

VN-Index
919,08 -0,21% ↑ 202 ↓ 208

XU HƯỚNG DÒNG TIỀN



VN-Index giảm phiên thứ 4 liên tiếp, số điểm mất là 1,97 điểm tương ứng -0,21%. Đà bán tháo vẫn tiếp tục diễn ra nhưng đã có dấu hiệu suy giảm, lực cầu bắt đáy mua vào đã xuất hiện ngay từ đầu phiên giúp chỉ số không bị giảm quá sâu. Một số cổ phiếu lớn đã có dòng tiền vào bắt đáy và duy trì được sắc xanh tới tận cuối phiên. Độ rộng thị trường đã trở nên cân bằng hơn với: 208 cổ phiếu giảm giá với tổng GTGD giảm là 3.230,9 tỷ đồng so với 202 cổ phiếu tăng với tổng GTGD tăng là 3.465,8 tỷ đồng. Một số cổ phiếu lớn tăng điểm trở lại hỗ trợ thị trường như VHM VIC PLX GVR... Phía ngược lại thì nhóm ngân hàng với CTG BID TCB VCB cùng với MSN MWG... vẫn là những nhân tố chính kéo thị trường giảm điểm. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng liên tiếp phiên thứ 25 với giá trị bán ròng là 335 tỷ. Xu hướng bán vẫn là chủ đạo tuy nhiên dòng tiền bắt đáy đã xuất hiện và kỳ vọng sẽ tục mạnh lên trong các phiên tiếp theo.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Hnx-Index
134,04 +0,25% ↑ 72 ↓ 75

VN-Index giảm phiên thứ 4 liên tiếp đóng tại 918.8 về gần đến ngưỡng hỗ trợ tại MA50 là 911. Việc chỉ số đã giảm 4 phiên liên tiếp về gần hỗ trợ mạnh cộng với dòng tiền mua bắt đáy cũng bắt đầu xuất hiện làm cho thị trường cân bằng hơn. Cây nến ngày có dạng mô hình búa ngược thể hiện đúng trạng thái thị trường lúc này. Một số cổ phiếu lớn bắt đầu duy trì sắc xanh trở lại như các cổ phiếu VHM VIC PLX. Các tín hiệu kỹ thuật như MACD MA RSI tiếp tục cho tín hiệu tiêu cực. Nhà đầu tư nước ngoài vẫn bán ròng mạnh 335 tỷ và là phiên thứ 25 liên tiếp. Tiếp tục là một phiên giảm điểm củng cố xu hướng giảm ngắn hạn của thị trường. Khối lượng giao dịch giảm khá mạnh so với phiên liền trước cho thấy áp lực bán đã giảm bớt, chỉ số VN-Index cũng đã về vùng kháng cự mạnh. Vì vậy, khả năng cao thị trường chuẩn bị bước vào nhịp hồi kỹ thuật.

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

Thị trường đã xác nhận xu hướng giảm ngắn hạn với 4 phiên giảm liên tiếp. Vì vậy, chiến lược hiện tại vẫn là tiếp tục quan sát thị trường không mua mới vội. Với những tài khoản có tỷ trọng cổ phiếu cao và chưa kịp thoát hàng có thể cân nhắc tiếp tục hạ tỷ trọng trong những phiên hồi kỹ thuật của thị trường sắp tới.

Analyst: Nguyễn Minh Hoàng. Email: Hoang.nguyenminh@vfs.com.vn

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mua	Ngày mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá bán	Ngày bán	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	HPG	30.6	22.9	5/8/2020	30.5	20			33.6%	
2	TCB	21.8	23	20/10/2020	26	20.9			-5.2%	

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ CHỐT

STT	Mã cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mua	Ngày mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá bán	Ngày bán	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	REE	36.9	33.8	05-08-20	38	32.7	37.2	31-08-20	10.1%	Gần giá mục tiêu, KC mạnh
2	FPT	49.5	46.3	05-08-20	53	43.5	50.3	31-08-20	8.6%	Cổ tức 10% TM 17/08/20
3	VHC	38.1	36.6	13-08-20	34.3	23.5	38.8	31-08-20	6.0%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
4	CMX	14.9	13.64	13-08-20	19	14	15.2	31-08-20	11.4%	CP thưởng 10:1 ngày 26/08/2020
5	VCB	83.6	82	13-08-20	63	41.2	84.5	07-09-20	3.0%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
6	PHR	56.5	53.2	13-08-20	42	35	58	31-08-20	9.0%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
7	SJS	22.9	22.2	24-08-20	28	21	23	04-09-20	3.6%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
8	PLX	52.5	46.9	24-08-20	65	45	53.1	31-08-20	13.2%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
9	PVB	17.9	16.3	24-08-20	24	15	18.1	31-08-20	11.0%	Cổ tức 10% tiền mặt 24/09/2020
10	MBB	17.7	17.4	24-08-20	24	17	18.05	07-09-20	1.7%	CP có dấu hiệu suy yếu
11	PVD	11.3	10.55	24-08-20	19	10	11.55	04-09-20	9.5%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
12	PVS	12.7	12.2	24-08-20	24	11.5	12.9	04-09-20	5.7%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
13	CTD	76.2	78.2	24-08-20	111	75	76	01-09-20	-2.6%	Cổ tức 30% 28/08/2020, CP suy yếu
14	MSN	54.6	52.8	24-08-20	65	48.5	56.6	07-09-20	7.2%	CP có dấu hiệu suy yếu
15	GEX	25.95	21.3	25-08-20	28	20	25.95	07-09-20	21.8%	Đã tăng hơn 20% kể từ điểm mua
16	VEA	44.3	43.5	25-08-20	60	40	45	04-09-20	3.4%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
17	DHC	45	44.4	09-09-2020	50	43.5	45.7	23-09-20	2.9%	CP có dấu hiệu suy yếu, tăng tỷ trọng tiền mặt

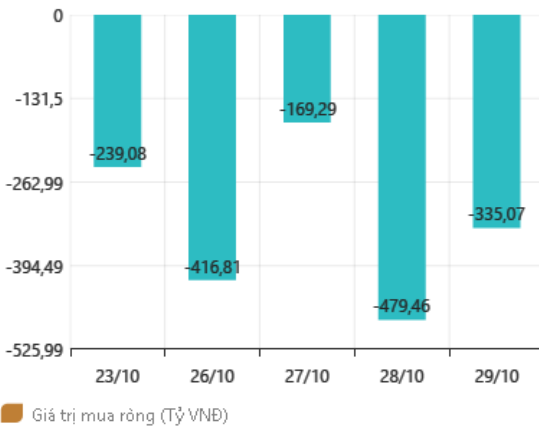
DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ CHÓT

STT	Mã cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mua	Ngày mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá bán	Ngày bán	Tỷ lệ %	Ghi chú
18	VIC	93	91.2	14/09/2020	110	90	94	25/09/2020	3.1%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
19	KDH	24.2	24.4	22/09/2020	28	23.8	24.35	25/09/2020	-0.2%	Cổ phiếu suy yếu & TT rủi ro
20	VNM	127.7	110	5/8/2020	132	103.5	127.7	25/09/2020	16.1%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
21	MPC	31.2	26.7	25/8/2020	34	25.5	31.8	25/09/2020	19.1%	Tăng tỷ trọng tiền mặt
22	KDC	36.5	34.9	9/9/2020	39	32.5	37	29/09/2020	6.0%	Thị trường chung xấu
23	VRE	27.8	28.75	23/09/2020	35	27.3	28	29/09/2020	-3.3%	Thị trường chung xấu
24	MWG	104.3	76.5	5/8/2020	112	71.44	104.3	30/09/2020	36.3%	Chốt lời bảo toàn lợi nhuận
25	PNJ	61.2	59.6	14/09/2020	78	58	61.2	05/10/2020	2.7%	Thị trường rủi ro
26	CTR	45.6	41.4	14/09/2020	48	40.5	45.90	08/10/2020	10.9%	Thị trường rủi ro

TIN TỨC NỔI BẬT

GIAO DỊCH NƯỚC NGOÀI TRÊN HSX

Giao dịch NĐTNN 7 ngày gần nhất



Giá trị mua ròng (Tỷ VND)
 FiinPro

10 tháng, xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng, bất chấp Covid-19

Báo đầu tư | 2020-10-29T00:00:00

Dù dịch Covid-19 ngày càng diễn biến phức tạp nhưng xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam vẫn tiếp tục tăng trưởng dương. 10 tháng, kim ngạch xuất khẩu tăng 4,7% so với cùng kỳ.

Tổng cục Thống kê vừa chính thức công bố, ước tính, 10 tháng năm 2020, kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước đạt 439,82 tỷ USD, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, xuất khẩu đạt 229,27 tỷ USD, tăng 4,7%; nhập khẩu đạt 210,55 tỷ USD, tăng 0,4%. Như vậy, bất chấp những tác động của đại dịch Covid-19, xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam vẫn tăng trưởng dương. Đặc biệt, mức tăng trưởng của xuất khẩu là khá tích cực.

Cũng vì xuất khẩu tăng trưởng mạnh hơn nhập khẩu, nên cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam tiếp tục có thặng dư lớn.

Cụ thể, ước tháng 10 tiếp tục xuất siêu 2,2 tỷ USD, đưa cán cân thương mại hàng hóa 10 tháng ước tính xuất siêu kỷ lục, lên tới 18,72 tỷ USD. Trong số này, khu vực đầu tư nước ngoài xuất siêu 30,4 tỷ USD, kể cả dầu thô (39 tỷ USD, không kể dầu thô), bù đắp được cho phần nhập siêu 12,2 tỷ USD của khu vực trong nước.

Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, trong 10 tháng, có 31 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 91,8% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong đó, 5 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 59,9%.

Các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất vẫn là điện thoại và linh kiện, đạt 42 tỷ USD, chiếm 18,3% tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm 4,5% so với cùng kỳ năm trước; điện tử, máy tính và linh kiện - đạt 36,2 tỷ USD, tăng 24,3%; hàng dệt may - đạt 24,8 tỷ USD, giảm 9,3%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng - đạt 21 tỷ USD, tăng 42%; giày dép - đạt 13,4 tỷ USD, giảm 9,9%...

Nhìn vào các số liệu này cho thấy, nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực đang tiếp tục bị ảnh hưởng bởi Covid-19. Đó là lý do vì sao tăng trưởng xuất khẩu 10 tháng qua chưa đạt được như kỳ vọng.

Không chỉ vậy, 10 tháng qua, kim ngạch xuất khẩu của hầu hết các mặt hàng nông sản đều giảm so với cùng kỳ năm trước. Chẳng hạn, rau quả đạt 2,7 tỷ USD, giảm 12,5%; hạt điều đạt 2,6 tỷ USD, giảm 3,4%; cà phê đạt 2,3 tỷ USD, giảm 0,7%; cao su đạt 1,7 tỷ USD, giảm 4,2%... Đây là điều đáng chú ý.

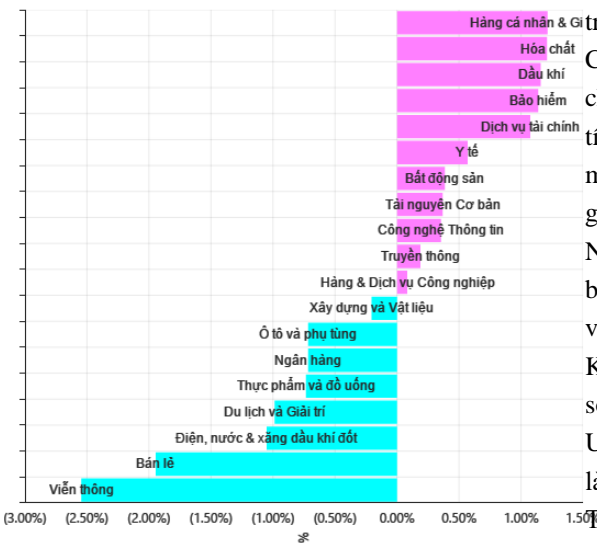
Trong khi đó, về nhập khẩu, trong 10 tháng, có 34 mặt hàng đạt kim ngạch nhập khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 89,4% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Trong đó, điện tử, máy tính và linh kiện đạt 51,3 tỷ USD (chiếm 24,4% tổng kim ngạch nhập khẩu), tăng 20,2% so với cùng kỳ năm trước; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 29,8 tỷ USD, giảm 0,6%; điện thoại và linh kiện đạt 12,6 tỷ USD, tăng 4%; vải đạt 9,5 tỷ USD, giảm 13%; sắt thép đạt 6,7 tỷ USD, giảm 17%; chất dẻo đạt 6,7 tỷ USD, giảm 10,7%; nguyên phụ liệu dệt, may, giày dép đạt 4,4 tỷ USD, giảm 10,9%; hóa chất đạt 4 tỷ USD, giảm 6%.

Số liệu thống kê cho thấy, trong cơ cấu hàng hóa nhập khẩu 10 tháng năm 2020, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước tính đạt 194,93 tỷ USD, giảm 0,02% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 92,6% tổng kim ngạch nhập khẩu; nhóm hàng tiêu dùng ước tính đạt 15,62 tỷ USD, tăng 6,5% và chiếm 7,4%.

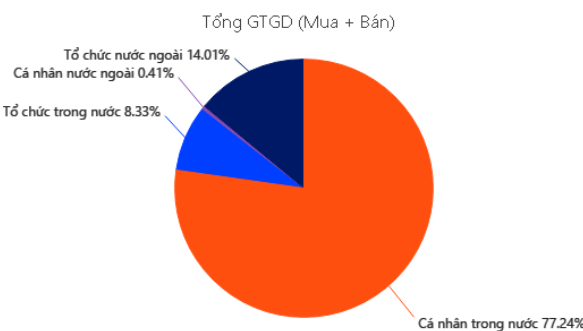
Như vậy là tình hình đã dần khả quan hơn, cho thấy việc nhập khẩu tư liệu sản xuất đầu vào đã có những tiến triển nhất định so với hồi đầu năm. Điều này đặt ra kỳ vọng rằng, sản xuất và xuất khẩu sẽ tích cực hơn trong những tháng cuối năm.

TĂNG, GIẢM NGÀNH TRONG NGÀY



FiinPro

GIAO DỊCH THEO LOẠI NHÀ ĐẦU TƯ



FiinPro

THỐNG KÊ TRONG NGÀY

Ngày	Mã phái sinh	+/-	Mở cửa	Đóng cửa	Thấp nhất	Cao nhất	Khớp lệnh	
							Khối lượng (Hợp đồng)	Giá trị (tỷ VND)
29/10/2020	VN30F2011	-8.40 (-0.94%)	892	887.5	899.5	879.5	215,546	
29/10/2020	VN30F2012	-9 (-1.01%)	710	723	732	878.1	862	
29/10/2020	VN30F2103	-8.30 (-0.93%)	709.9	720	725.9	875	132	
29/10/2020	VN30F2106	-11.10 (-1.25%)	710	716	724.8	867	709	

TOP 5 TĂNG GIÁ HSX					TOP 5 GIẢM GIÁ HSX				
Mã	Giá ĐC	+/-	KLGD (CP)	GTGD (Tr VND)	Mã	Giá ĐC	+/-	KLGD (CP)	GTGD (Tr VND)
VAF	9,11	+0,59/+6,92%	3.490		PTL	6,65	-0,50/-6,99%	850.000	
CSV	27,80	+1,80/+6,92%	372.810		TIX	27,95	-2,10/-6,99%	20.000	
CVT	23,95	+1,55/+6,92%	1.641.920		TDG	2,53	-0,19/-6,99%	264.690	
HU1	7,43	+0,48/+6,91%	33.400		DAH	4,56	-0,34/-6,94%	1.747.490	
SFC	25,15	+1,60/+6,79%	2.010		PNC	9,40	-0,70/-6,93%	370.000	

TOP 5 TĂNG GIÁ HNX					TOP 5 GIẢM GIÁ HNX				
Mã	Giá ĐC	+/-	KLGD (CP)	GTGD (Tr VND)	Mã	Giá ĐC	+/-	KLGD (CP)	GTGD (Tr VND)
VIX	12,50	+1,10/+9,65%	1.583.400		QTC	17,10	-1,80/-9,52%	100.000	
TMB	19,70	+1,70/+9,44%	100.000		LDP	10,70	-1,10/-9,32%	3.300	
HTP	9,30	+0,80/+9,41%	100.000		FID	1,00	-0,10/-9,09%	21.500	
MST	3,50	+0,30/+9,38%	3.351.100		PMS	14,00	-1,40/-9,09%	100.000	
OCH	8,20	+0,70/+9,33%	200.000		SGD	8,40	-0,80/-8,70%	1.500	

TOP MUA RÒNG HSX					TOP BÁN RÒNG HSX				
Mã	Giá ĐC	+/-	KLGD (CP)	GTGD (Tr VND)	Mã	Giá ĐC	+/-	KLGD (CP)	GTGD (Tr VND)
HPG	30,60	+0,20/+0,66%	1.496.290	45.328.510	MSN	84,00	-2,00/-2,33%	-4.343.840	-361.353.130
SSI	17,10	+0,40/+2,40%	1.219.830	20.612.020	VRE	25,60	+0,10/+0,39%	-2.224.140	-56.675.380
STB	13,50	+0,40/+3,05%	1.438.530	19.174.780	VJC	102,30	-1,70/-1,63%	-241.900	-24.686.760
DGW	54,00	+2,40/+4,65%	306.770	16.339.140	VNM	106,90	-0,50/-0,47%	-213.100	-22.748.270
VHM	76,20	+0,60/+0,79%	210.800	16.005.130	BID	38,65	-0,65/-1,65%	-466.600	-18.125.110

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VIETFIRST

Hệ thống khuyến nghị của VFS được xây dựng dựa trên sự chênh lệch giữa giá cổ phiếu thị trường tại thời điểm đánh giá và giá mục tiêu 12 tháng

Hệ thống khuyến nghị	Diễn giải
MUA	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 15% trở lên
THEO DÕI	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 5 – 15%
NẮM GIỮ	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường không quá 5%
BÁN	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường tối thiểu 5%

© CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT (VFS)

Hội sở Hồ Chí Minh

Tòa nhà Central Park, lầu 1, 117 - 119 - 121 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: **(84-8) 62556586** Fax: **(84-8) 62556580**

Website: www.vfs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisor place, 41A Lý Thái Tổ, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: **(84-4) 39288222** – Ext: **117** Fax: **(84-4) 39338222**

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt (VFS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VFS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VFS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VFS.